

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 3 NĂM 2006
Phần I - LÃI, LỖ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuết minh	Kỳ này Quý 3/06	Lũy kế từ đầu năm
1	2	3	4	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	26,826,690,772	111,422,297,417
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2,561,408,583	8,239,137,282
- Chiết khấu thương mại			705,540,711	3,212,359,539
- Giảm giá hàng bán			24,634,238	24,634,238
- Hàng bán bị trả lại			1,831,233,634	5,002,143,505
- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp			-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		24,265,282,189	103,183,160,135
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	13,481,176,300	63,234,935,531
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		10,784,105,889	39,948,224,604
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	53,369,366	145,009,694
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	11,842,540	716,787,570
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	351,183,332
8. Chi phí bán hàng	24		2,576,046,550	8,564,533,997
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,998,311,323	8,465,956,918
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		5,251,274,842	22,345,955,813
11. Thu nhập khác	31		110,654,188	110,654,188
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		110,654,188	110,654,188
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5,361,929,030	22,456,610,001
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		5,361,929,030	22,456,610,001
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	28	894	3,743

Lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 23/10/2006
Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lê Tôn Hùng